

CHUYÊN VIÊN CAO CẤP PHÂN TÍCH

Bùi Thị Quỳnh Nga

ngabui@phs.vn

## XUẤT KHẨU BỨ PHÁ NGAY TỪ ĐẦU NĂM

- Hoạt động xuất nhập khẩu tháng 1 đã có một khởi đầu đầy hứa hẹn ngay từ đầu năm với mức tăng trưởng đầy tiềm năng của các mặt hàng chủ lực bao gồm Đồ điện tử, Nông lâm thủy sản và Sắt thép.
- Nhu cầu nhập khẩu từ các đối tác thương mại chính vẫn cho thấy sự cải thiện qua từng tháng.
- Mục tiêu xuất khẩu năm 2024 tăng 8% so với năm 2023 như PHS dự báo là khả thi.

**Xuất nhập khẩu tiếp tục ghi nhận những tín hiệu khả quan.** Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng lần lượt 7.7% và 4.3% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tăng lần lượt 46.2% và 34.6%, cao hơn so với mức tăng ước tính của Tổng cục Thống kê đưa ra trước đó (XK: 42% YoY và NK: 33.3% YoY). Theo đó, cán cân thương mại ghi nhận mức thặng dư trong tháng 1 là 3.63 tỷ USD.

**Xét theo khu vực,** kim ngạch xuất khẩu của khu vực trong nước cho thấy những mức tăng mạnh mẽ bắt đầu kể từ giữa năm 2023. Tăng trưởng xuất khẩu của khu vực trong nước đã sớm quay lại mức tăng trưởng dương từ tháng 7/2023. Trong khi đó, tăng trưởng xuất khẩu của khu vực FDI phải kéo dài đến tháng 10/2023 mới cho thấy sự hồi phục.

**Xét về đối tác xuất khẩu:** Ngoại trừ Trung Quốc, xuất khẩu sang các đối tác lớn của Việt Nam đều ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số so với tháng trước mặc dù đã qua giai đoạn nhập khẩu đỉnh điểm, phục vụ cho các ngày lễ lớn trong năm của các nước phương Tây. Thị trường Mỹ (tăng 63.4% so với cùng kỳ) và EU (tăng 39.7% YoY) là 2 thị trường đóng góp chính vào tăng trưởng xuất khẩu trong tháng 1.

**Xét theo các mặt hàng chủ lực:** Bên cạnh mức tăng trưởng vượt bậc của nhóm hàng Nông sản, Đồ điện tử và Sắt thép, hầu hết các mặt hàng xuất khẩu còn lại cũng đều ghi nhận mức kim ngạch xuất khẩu tốt nhất trong một năm trở lại đây, bứt phá ngay trong tháng đầu tiên của năm 2024.

**Bảng 1: Tình hình thương mại tháng 01/2024.**

	Tỷ trọng	Nov-23	Dec-23	Jan-24	YTD
<b>Kim ngạch Xuất khẩu (Triệu USD)</b>		<b>31,149</b>	<b>32,063</b>	<b>34,531</b>	<b>34,531</b>
<i>Khu vực FDI</i>	72%	22,290	22,500	24,870	24,870
<i>Khu vực trong nước</i>	28%	8,859	9,563	9,661	9,661
<b>Kim ngạch Nhập khẩu (Triệu USD)</b>		<b>29,881</b>	<b>29,624</b>	<b>30,898</b>	<b>30,898</b>
<i>Khu vực FDI</i>	64%	19,028	18,502	19,651	19,651
<i>Khu vực trong nước</i>	36%	10,853	11,121	11,248	11,248
<b>Cán cân thương mại (Triệu USD)</b>		<b>1,268</b>	<b>2,439</b>	<b>3,632</b>	<b>3,632</b>
<b>Tăng trưởng Xuất khẩu (YoY)</b>		<b>6.5%</b>	<b>10.1%</b>	<b>46.2%</b>	<b>46.2%</b>
<b>Tăng trưởng Nhập khẩu (YoY)</b>		<b>6.1%</b>	<b>8.2%</b>	<b>34.6%</b>	<b>34.6%</b>
<b>Xuất khẩu sang các thị trường lớn</b>					
<i>Mỹ</i>	29%	10.0%	11.7%	63.4%	63.4%
<i>Trung Quốc</i>	13%	7.4%	9.5%	17.7%	17.7%
<i>EU</i>	13%	2.2%	6.2%	39.7%	39.7%
<b>Nhập khẩu từ các thị trường lớn</b>					
<i>Trung Quốc</i>	38%	15.9%	22.9%	64.4%	64.4%
<i>Hàn Quốc</i>	14%	1.2%	5.5%	7.2%	7.2%
<i>ASEAN</i>	12%	-9.9%	-10.5%	19.9%	19.9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan, PHS tổng hợp